TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2022/DS-ST
Ngày: 20-7-2022
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hà Thanh Minh.

2. Bà Dương Thị Mỹ Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà **Trương Thị G,** sinh năm 1963 và ông **Nguyễn Minh P (N),** sinh năm 1962; Nơi cư trú: ấp L N, xã P S, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Có mặt

2. Bị đơn:

Ông **Nguyễn Thanh T,** sinh năm 1976; Nơi cư trú: ấp L T, xã P S, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/01/2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/03/2022, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Minh Ph và bà Trương Thị G trình bày:

Ông P và bà G có cho ông Nguyễn Thanh T vay số tiền 660.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng) vào ngày 26/5/2021, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2%/tháng, mục đích ông T vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay tiền là 01 tháng. Tuy nhiên đến hạn trả tiền thì ông T không trả tiền nợ gốc và lãi cho ông bà như thỏa thuận. Nay đã quá thời hạn trả tiền, ông bà đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T hứa mà không trả. Ông T vay tiền lúc ông T độc thân nên ông bà không yêu cầu ai liên đới trong hợp đồng vay này.

Vì vậy, ông P và bà G yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho ông bà tiền nợ gốc còn thiếu là 660.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 20%/năm/660.000.000 đồng, tính từ ngày 26/5/2021 đến ngày Toà án xét xử vụ án. Cụ thể tính lãi từ ngày 26/5/2021 đến ngày 20/7/2022 (ngày xét xử) là 13 tháng 24 ngày là 151.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 của BLTTDS năm 2015; Điều 463 của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng ông T không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa mặc dù ông T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông P, bà G cho rằng vào ngày 26/5/2021 ông bà có cho ông Nguyễn Thanh T vay số tiền 660.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận bằng lời nói là 2%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Sau khi vay tiền, ông T không trả tiền

vay cho ông bà theo thoả thuận. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy mượn tiền mặt đề ngày 26/5/2021, có chữ ký xác nhận của ông T (người mượn) và có chứng thực chữ ký tại Ủy ban nhân dân xã P S, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/5/2021, giấy mượn tiền có nội dung ông T có mượn ông P, bà G số tiền 660.000.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông T các thông báo về việc thụ lý vụ án; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ cho ông T đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp, trong đó có văn bản thể hiện việc ông T có vay tiền của ông P, bà G vào ngày 26/5/2021 với số tiền 660.000.000 đồng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông T không có gửi đến Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như việc ông T có hay không có vay tiền của ông P, bà G. Như vậy, ông T đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72, Điều 199 của Bộ luật tố Tụng dân sự; trong khi chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện rõ nội dung ông T có vay của ông P, bà G số tiền 660.000.000 đồng vào ngày 26/5/2021 và nay ông T còn nợ ông P, bà G số tiền 660.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định ông T còn nợ ông P, bà G số tiền nợ gốc là 660.000.000 đồng. Vì vậy, buộc ông T phải có trách nhiệm trả cho ông P, bà G số tiền 660.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi của ông P, bà G: Ông bà cho rằng mặc dù trong giấy mượn tiền mặt không có ghi mức lãi suất của số tiền vay nhưng hai bên có thỏa thuận mức lãi suất là 2%/tháng, sau khi vay tiền thì ông T không đóng tiền lãi cho ông bà. Vì vậy, nay ông P, bà G yêu cầu tính lãi suất 20%/năm/660.000.000 đồng kể từ ngày 26/5/2021 đến ngày Toà án xét xử vụ án.

HĐXX xét thấy, mặc dù giấy mượn tiền mặt đề ngày 26/5/2021 do nguyên đơn cung cấp không thể hiện việc vay tiền có lãi hay không, tuy nhiên theo các đơn khởi kiện và thông báo thụ lý của Tòa án đã được tống đạt hợp lệ cho ông T thể hiện nguyên đơn khai việc vay tiền là có lãi suất 2%/tháng và yêu cầu ông T trả lãi nhưng ông T không có ý kiến gì phản bác yêu cầu này. Do đó, lời trình bày của nguyên đơn về việc thỏa thuận lãi suất 2%/tháng là có cơ sở. Xét thấy, từ sau khi vay tiền của ông P và bà G thì ông T không có chứng cứ gì chứng minh đã trả đủ tiền lãi cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất

20%/năm/660.000.000 đồng kể từ ngày 26/5/2021 đến ngày Toà án xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 468 của BLDS năm 2015 nên được chấp nhận.

Số tiền lãi được tính từ ngày 26/5/2021 đến ngày 20/7/2022 (01 năm 01 tháng 24 ngày x 20%/năm x 660.000.000 đồng) là 151.800.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền vốn và lãi ông T phải có trách nhiệm trả cho ông P và bà G là 811.800.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Ông T phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.354.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, 207, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh P và bà Trương Thị G đối với ông Nguyễn Thanh T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh P và bà Trương Thị G tổng số tiền là 811.800.000đ (Tám trăm mười một triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 660.000.000 đồng, tiền lãi là 151.800.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm chịu án phí là 36.354.000đ (Ba

mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Trương Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.576.000 đồng theo biên lai thu số 0001937 ngày 16/02/2022 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006818 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3/. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Đức

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Đức